

Phiếu thông tin sản phẩm

1165 Series — AMR/AGV-4 BÁNH XE CÀNG XOAY (TẢI VỪA) Ổ BỊ CHÍNH XÁC ĐƠN

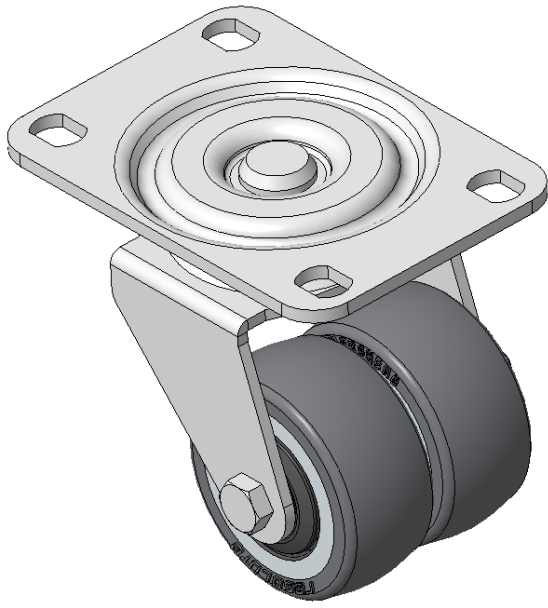
Bánh xe PPR Toàn hiệu (Màu ngọc xám đậm) Đường kính bánh×Chiều rộng bánh 50×22.5mm

EAN  
KS-11650204172343

Bánh xe thật, khung thép hàn, bề mặt mạ điện  
Thiết bị lắp đế, khoảng cách lỗ 75x45mm  
Lõi bánh xe bằng polypropylene chống va đập, bề mặt bánh xe bằng nhựa nhiệt dẻo đàn hồi (TPR)  
Vòng bi bánh xe màu xám đậm được phay—vòng bi chính xác

Lớp bánh xe: Lớp bánh xe bằng chất đàn hồi nhiệt dẻo (TPR)  
Lõi bánh xe: Lõi bánh xe bằng Polypropylene

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

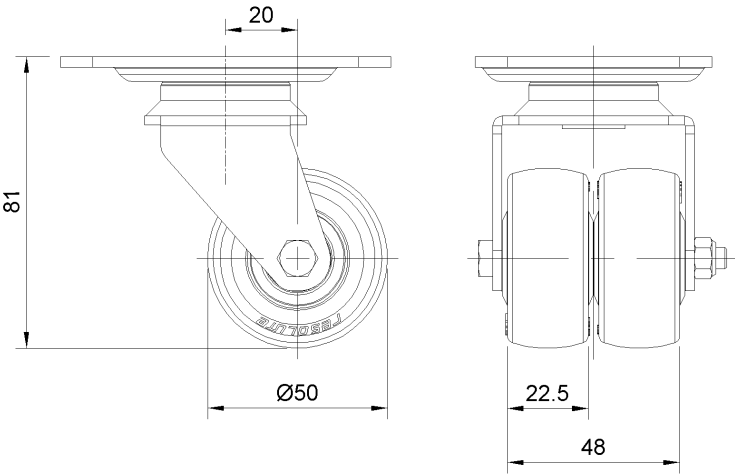
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                             |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> đế quốc |                             |
| Đường kính bánh xe                                                        | 50mm                        |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 22.5mm                      |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| Quy cách tấm lắp                                                          | 92 x 66mm                   |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền                                           | 75 x 45mm                   |
| Khoảng cách các lỗ lắp                                                    | 11.1 x 8.6mm                |
| Độ lệch tâm                                                               | 20mm                        |
| Sự can thiệp quay                                                         | 108mm                       |
| Tổng chiều cao                                                            | 81mm                        |
| Bán kính xoay                                                             | 54mm                        |
| Độ cứng                                                                   | 72±5° Shore A               |
| Tải trọng (động)                                                          | 70kgs                       |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 105kgs                      |
| Nhiệt độ                                                                  | -20°C to +60°C              |
| Càng bánh xe                                                              | Xoay                        |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                         |
| Dẫn điện                                                                  | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đẩy                                                   | 1.56kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22883                    |

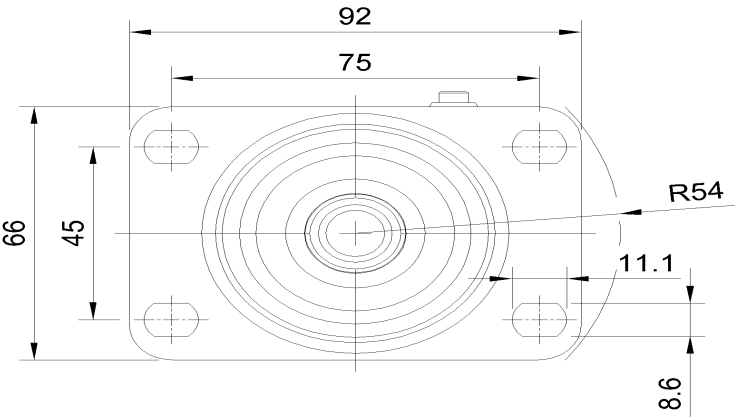
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | • • • • • |
| Chế độ im lặng       | • • • • • |
| Bảo vệ mặt sàn       | • • • • • |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước tấm lắp



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét